

# TỪ TRÁI NGHĨA

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :



- Củng cố và nâng cao kiến thức về từ trái nghĩa.
- Thấy được tác dụng của việc sử dụng các cặp từ trái nghĩa.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Từ trái nghĩa, như tên gọi của nó, là những từ có nghĩa trái ngược nhau. Nói như vậy có nghĩa là các từ trái nghĩa biểu thị những hoạt động, tính chất, sự vật trái ngược nhau. Sự trái ngược về nghĩa là dựa trên một cơ sở, một tiêu chí nhất định. Trên cơ sở, tiêu chí đó, các từ trái nghĩa nằm ở hai cực đối lập nhau. Ví dụ :

- *Dài* và *ngắn* là trái nghĩa về chiều dài.
- *Cao* và *thấp* là trái nghĩa về chiều cao.
- *Sạch* và *bẩn* là trái nghĩa về phương diện vệ sinh.
- *Hiền* và *ác* là trái nghĩa về tính cách.

2. Hiện tượng trái nghĩa không phải bao giờ cũng xảy ra đối với toàn bộ ý nghĩa của một từ, mà có tính chất bộ phận, tức là một từ có thể tham gia vào các dãy từ trái nghĩa khác nhau. Ví dụ :

- chín** :  - (quả chín) trái nghĩa với **xanh** (quả xanh) ;  
- (cơm chín) trái nghĩa với **sống** (cơm sống).
- lành** :  - (vị thuốc lành) trái nghĩa với **độc** (vị thuốc độc) ;  
- (tính lành) trái nghĩa với **dữ** (tính dữ) ;  
- (áo lành) trái nghĩa với **rách** (áo rách) ;  
- (bát lành) trái nghĩa với **mẻ, vỡ** (bát mẻ, bát vỡ).

3. Các cặp từ trái nghĩa thường có khả năng tổ hợp cú pháp giống nhau. Trong một cặp từ trái nghĩa, nếu từ này có thể tổ hợp với một từ nào đó thì từ kia cũng có thể tổ hợp được với từ đó. Ví dụ :

- người **cao** - người **thấp** ;
- giá **cao** (**đắt**) - giá **hạ** (**rẻ**).

4. GV cần làm cho HS thấy rõ ích lợi của việc học tập, nắm vững các cặp từ trái nghĩa. Trước hết, nếu nắm được từ trái nghĩa thì sử dụng từ được chính xác, tránh được sai sót do việc loại suy không đúng đắn. Chẳng hạn, nói : *giá cao, giá hạ* thì được, nhưng *trình độ cao* thì phải đi đôi với *trình độ thấp* chứ không phải là *trình độ hạ*.

Mặt khác, nếu khéo sử dụng các từ trái nghĩa thì lời ăn tiếng nói sẽ sinh động hơn. Đặc biệt, cần thấy rõ vai trò của các từ trái nghĩa trong thành ngữ, như : *bên trong bên khinh, buổi đực buổi cái, bước thấp bước cao, có đi có lại, gần nhà xa ngõ, mắt nhắm mắt mở, vô thưởng vô phạt, ...*

Ngoài ra, người ta có thể lợi dụng hiện tượng từ trái nghĩa để chơi chữ (sẽ nói ở tiết Chơi chữ).

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu thế nào là từ trái nghĩa.

Cho HS ôn lại định nghĩa về từ trái nghĩa đã học ở Tiểu học và vận dụng kiến thức đó để tìm các cặp từ trái nghĩa trong bản dịch thơ *Cảm nghĩ trong đêm*

thanh tĩnh của Tương Như và bản dịch thơ *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* của Trần Trọng San.

Ở bài đầu có cặp từ trái nghĩa : *ngẩng* và *cúi*. Ở bài thứ hai có các cặp từ trái nghĩa : *trẻ – già*, *đi – trở lại*. GV có thể cho HS tìm thêm một số cặp từ trái nghĩa khác. GV gợi dẫn để HS thấy rõ sự trái ngược về nghĩa là dựa trên một cơ sở, một tiêu chí nhất định.

– *Ngẩng* và *cúi* là trái nghĩa về hoạt động của đầu theo hướng lên xuống.

– *Trẻ* và *già* là trái nghĩa về tuổi tác.

– *Đi* và *trở lại* là trái nghĩa về sự tự di chuyển rời khỏi nơi xuất phát hay quay trở lại nơi xuất phát.

Tiếp theo, GV cho HS tìm từ trái nghĩa với từ *già* trong trường hợp *rau già*, *cau già*. Từ trái nghĩa với *già* ở đây là *non* (*rau non*, *cau non*). Từ các cặp từ trái nghĩa *già – trẻ*, *già – non* như đã phân tích ở trên, HS có thể rút ra kết luận : Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu việc sử dụng từ trái nghĩa.

Về giá trị nghệ thuật của việc dùng các cặp từ trái nghĩa trong các bản dịch thơ trên, HS đã cảm nhận được qua các tiết học Đọc – hiểu văn bản. Việc sử dụng các từ trái nghĩa để cấu tạo thành ngữ cũng là để tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh. GV cho HS tìm một số thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa và gợi dẫn HS đi đến kết luận này.

Để củng cố thêm nhận định về tác dụng của việc sử dụng các cặp từ trái nghĩa, GV có thể dẫn thêm một số đoạn văn, thơ khác. Đoạn thơ sau đây là một ví dụ :

*Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí,  
Sống, chẳng cúi đầu ; chết, vẫn ung dung.  
Giặc muốn ta nô lệ, ta lại hoá anh hùng,  
Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo.*

(Tố Hữu)

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn HS làm bài tập (trang 129, SGK). Các bài tập 1, 2, 3 làm ở lớp. Bài tập 4 có thể làm ở nhà.

#### IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**Bài tập 1.** Các cặp từ trái nghĩa : *lành – rách ; giàu – nghèo ; ngắn – dài ; đêm – ngày ; sáng – tối.*

*Chú ý: Quần và áo không phải là cặp từ trái nghĩa.*

**Bài tập 2.**           *cá tươi – cá ươn*

*hoa tươi – hoa héo*

*ăn yếu – ăn khỏe*

*học lực yếu – học lực khá (giỏi)*

*chữ xấu – chữ đẹp*

*đất xấu – đất tốt*

**Bài tập 4.** GV chọn một số bài hay đọc cho cả lớp nghe.

#### V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, Sđd.